

Số: 268 /QĐ- PGDDT

Hạ Long, ngày 28 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2023-2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long;

Căn cứ công văn 2766/KH-SGDĐT ngày 04/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn 1579/KH-PGDĐT ngày 11/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý mầm non, phổ thông năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 6847/UBND –TCKH ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long về việc phân bổ dự toán kinh phí tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2023-2024;

Xét đề nghị của Bộ phận tài vụ phòng Giáo dục và Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

1. Kinh phí Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý: **61.792.000 đồng.**
2. Kinh phí Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non, phổ thông: **1.031.409.000 đồng.**

Tổng kinh phí : **1.093.201.000 đồng. Bằng chữ: Một tỷ không trăm chín**

mười ba triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng)

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí: chi sự nghiệp giáo dục, ngân sách thành phố năm 2024 (kinh phí chi nghiệp vụ, hoạt động sự nghiệp chung của ngành đã giao đầu năm cho Phòng Giáo dục và Đào tạo).

Giao các cơ sở giáo dục có tên tại phụ lục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sử dụng ngân sách, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong việc quản lý, sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được giao theo quy định.

Điều 3. Các ông, bà Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo; bộ phận Chuyên môn, Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo và thủ trưởng các đơn vị có tên tại phụ lục quyết định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TV, CMMN.

Ký bởi: Nguyễn Thu Hương



Vi Bích-Hạnh

TT	Nội dung	Cán bộ quản lý		Giáo viên		TỔNG
		Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
109	Ekids - Hùng Thắng			1	339.000	339.000
109	ABC- Hùng Thắng			1	339.000	339.000
110	Lan Anh- Đại Yên			1	339.000	339.000
110	Phương Linh-Đại Yên			1	339.000	339.000
111	Khánh Vy-Đại Yên			1	339.000	339.000
II	PHÓ THÔNG	87	34.384.000	1.603	680.135.000	714.519.000
A	TIỂU HỌC	51	14.371.000	935	285.685.000	300.056.000
1	TH Sơn Dương	2	564.000	27	8.250.000	8.814.000
2	TH Hà Khẩu	3	845.000	51	15.583.000	16.428.000
3	TH Cao Xanh	3	845.000	42	12.833.000	13.678.000
4	TH Trần Hưng Đạo	3	845.000	66	20.166.000	21.011.000
5	TH Đại Yên	2	564.000	33	10.083.000	10.647.000
6	TH Trôi	3	845.000	50	15.277.000	16.122.000
7	TH Võ Thị Sáu	2	564.000	27	8.250.000	8.814.000
8	TH Lý Thường Kiệt	3	845.000	90	27.499.000	28.344.000
9	TH Minh Hà	2	564.000	32	9.777.000	10.341.000
10	TH Việt Hưng	2	564.000	31	9.472.000	10.036.000
11	TH Quang Trung	3	845.000	51	15.583.000	16.428.000
12	TH Bãi Cháy	3	845.000	72	21.999.000	22.844.000
13	TH Cao Thắng	3	845.000	58	17.722.000	18.567.000
14	TH Trần Quốc Toàn	2	564.000	47	14.361.000	14.925.000
15	TH Lê Lợi	2	564.000	28	8.555.000	9.119.000
16	TH Hạ Long	3	845.000	72	21.999.000	22.844.000
17	TH Hữu Nghị	2	564.000	24	7.333.000	7.897.000
18	TH Nguyễn Bá Ngọc	2	564.000	36	11.000.000	11.564.000
19	TH Lê Hồng Phong	3	845.000	48	14.666.000	15.511.000
20	TH Hà Lâm	3	845.000	50	15.277.000	16.122.000
B	THCS	36	9.612.000	668	237.300.000	246.912.000
1	THCS Lê Lợi	2	534.000	20	7.000.000	7.534.000
2	THCS Sơn Dương	1	267.000	19	6.700.000	6.967.000
3	THCS Trôi	2	534.000	40	14.300.000	14.834.000
4	THCS Việt Hưng	2	534.000	27	9.600.000	10.134.000
5	THCS Lý Tự Trọng	3	801.000	57	20.000.000	20.801.000
6	THCS Nguyễn Trãi	2	534.000	34	12.000.000	12.534.000
7	THCS Bãi Cháy	3	801.000	59	21.000.000	21.801.000
8	THCS Lê Văn Tâm	3	801.000	63	22.500.000	23.301.000
9	THCS Kim Đồng	3	801.000	40	14.300.000	15.101.000
10	THCS Cao Thắng	2	534.000	38	13.500.000	14.034.000
11	THCS Hà Tu	1	267.000	30	10.700.000	10.967.000
12	THCS Trần Quốc Toàn	3	801.000	78	27.800.000	28.601.000
13	THCS Hồng Hải	2	534.000	29	10.300.000	10.834.000
14	THCS Cao Xanh	1	267.000	24	8.500.000	8.767.000
15	THCS Nguyễn Văn Thuộc	2	534.000	34	12.000.000	12.534.000
16	THCS Đại Yên	2	534.000	22	7.800.000	8.334.000
17	THCS Trọng Điểm	2	534.000	54	19.300.000	19.834.000

PHỤ LỤC

TT	Nội dung	Cán bộ quản lý		Giáo viên		TỔNG
		Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
	Tổng cộng I+II	229	61.792.000	3.118	1.031.409.000	1.093.201.000
I	CẤP MẦM NON	104	27.408.000	1.036	351.274.000	378.682.000
A	Mầm non Công Lập	93	24.504.000	806	273.298.000	297.802.000
1	MN Hạ Long	3	792.000	70	23.735.000	24.527.000
2	MN Cao Xanh	3	792.000	33	11.190.000	11.982.000
3	MN Hồng Hải	3	792.000	25	8.477.000	9.269.000
4	MN Hoa Đào	3	792.000	17	5.764.000	6.556.000
5	MN Đồng Lâm	3	792.000	23	7.799.000	8.591.000
6	MN Kỳ Thượng	2	520.000	8	2.713.000	3.233.000
7	MN MN 1/6	2	520.000	29	9.833.000	10.353.000
8	MN Hoa Hồng	3	792.000	36	12.207.000	12.999.000
9	MN Hà Phong	3	792.000	26	8.816.000	9.608.000
10	MN Hoa Lan	3	792.000	19	6.442.000	7.234.000
11	MN Hòa Bình	3	792.000	9	3.052.000	3.844.000
12	MN Hà Tu	3	792.000	34	11.529.000	12.321.000
13	MN Giếng Đáy	3	792.000	17	5.764.000	6.556.000
14	MN Lê Lợi	2	520.000	28	9.494.000	10.014.000
15	MN Vũ Oai	2	520.000	11	3.730.000	4.250.000
16	MN Bãi Cháy	3	792.000	21	7.121.000	7.913.000
17	MN Tân Dân	3	792.000	14	4.747.000	5.539.000
18	MN Thống Nhất	3	792.000	40	13.563.000	14.355.000
19	MN Quảng La – Dân chủ	3	792.000	25	8.477.000	9.269.000
20	MN Hồng Gai	3	792.000	18	6.103.000	6.895.000
21	MN Bạch Đằng	3	792.000	25	8.477.000	9.269.000
22	MN Trối	3	792.000	42	14.241.000	15.033.000
23	MN Đại Yên	3	792.000	22	7.460.000	8.252.000
24	MN Hà Khẩu	3	792.000	26	8.816.000	9.608.000
25	MN Việt Hưng	3	792.000	21	7.121.000	7.913.000
26	MN Hùng Thắng	3	792.000	25	8.477.000	9.269.000
27	MN Sơn Dương	3	792.000	26	8.816.000	9.608.000
28	MN Bằng Cà	3	792.000	12	4.069.000	4.861.000
29	MN Cao Thắng	3	792.000	29	9.833.000	10.625.000
30	MN Đồng Sơn	3	792.000	21	7.121.000	7.913.000
31	MN Hà Lầm	3	792.000	22	7.460.000	8.252.000
32	MN Hà Trung	2	520.000	21	7.121.000	7.641.000
33	MN Tuần Châu	2	520.000	11	3.730.000	4.250.000
B	Mầm non Ngoài Công Lập	11	2.904.000	230	77.976.000	80.880.000
1	MN Sakura	1	264.000	3	1.017.000	1.281.000
2	MN LittleHouse Hạ Long	1	264.000	4	1.356.000	1.620.000
3	MN Vigalera	1	264.000	4	1.356.000	1.620.000

Số: /QĐ-TH

Hạ Long, ngày 19 tháng 08 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán kinh phí Chế độ tn nhà giáo năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO THẮNG

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10603/QĐ – UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của UBND Thành phố Hạ Long về việc phân bổ giao dự toán kinh phí Chế độ tn nhà giáo năm 2024 ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán tài vụ trường Tiểu học Cao Thắng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai kinh phí Chế độ tn nhà giáo năm 2024 của Trường Tiểu học Cao Thắng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Bộ phận phụ trách cơ sở vật chất, bộ phận kế toán và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Ban giám hiệu (để biết);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Quỳnh Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Số: 10603/QĐ-UBND



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH3 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo;

Căn cứ Công văn số 1829/SNV-CCVC ngày 25/9/2023 của Sở Nội vụ Quảng Ninh về việc thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo;

Căn cứ các Quyết định của UBND Thành phố số 3868/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; số 4096/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2024;

Căn cứ Công văn số 2668/UBND-NV ngày 11/4/2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo;

Xét đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 946/PGDĐT ngày 04/7/2024; phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 287/TTr-TCKH ngày 16/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với các trường hợp chưa được hưởng chế độ theo hướng dẫn tại Công văn số 1829/SNV-CCVC ngày 25/9/2023 của Sở Nội vụ, số tiền: **10.678.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười tỷ, sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng), cụ thể:

- Khối Mầm non: 6.315.000.000 đồng
- Khối Tiểu học: 2.888.000.000 đồng
- Khối THCS: 1.475.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Sự nghiệp Giáo dục ngân sách Thành phố năm 2024 - Chi các hoạt động sự nghiệp chung của ngành giáo dục khác phát sinh trong năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao phòng Giáo dục và Đào tạo: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, tổng hợp dự toán trình UBND thành phố.

- Giao phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp cùng phòng Nội vụ: Kiểm tra việc thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên tại các cơ sở giáo dục trực thuộc



đảm bảo theo đúng quy định của Nghị định 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ. Tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trực lợi chính sách, thất thoát ngân sách nhà nước. Kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm (nếu có).

- Giao các cơ sở giáo dục công lập: Chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định tại Điều 38, Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng các phòng Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ninh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT UBND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Như điều 3;
- Vp; Vx;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ LONG

PHỤ LỤC
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP THẨM NIÊN NHÀ GIÁO ĐỐI VỚI CÁC
TRƯỜNG HỌC CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO HƯỚNG DẪN TẠI CÔNG
VĂN SỐ 1829/SNV-CCVC NGÀY 25/9/2023 CỦA SỞ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số 10603/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND Thành phố)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên trường	Số tiền
	TỔNG CỘNG	10.678
I	MẦM NON	6.315
1	1 Mầm non Hạ Long	753
2	2 Mầm non Kỳ Thượng	18
3	3 Mầm non Việt Hưng	51
4	4 Mầm non Bạch Đằng	191
5	5 Mầm non Hoa Hồng	258
6	6 Mầm non Đại Yên	130
7	7 Mầm non Cao Thắng	412
8	8 Mầm non Hoa Đào	160
9	9 Mầm non Giếng Đáy	61
10	10 Mầm non Tuần Châu	49
11	11 Mầm non Trời	108
12	12 Mầm non Hà Tu	483
13	13 Mầm non Sơn Dương	85
14	14 Mầm non Quảng La - Dân Chủ	96
15	15 Mầm non Hùng Thắng	286
16	16 Mầm non Cao Xanh	411
17	17 Mầm non Thống Nhất	238
18	18 Mầm non Hòa Bình	64
19	19 Mầm non Hà Lâm	374
20	20 Mầm non Bãi Cháy	204
21	21 Mầm non Hà Trung	230
22	22 Mầm non 1-6	136
23	23 Mầm non Vũ Oai	94
24	24 Mầm non Đồng Lâm	144
25	25 Mầm non Đồng Sơn	139
26	26 Mầm non Bằng Cả	76
27	27 Mầm non Hồng Gai	142

STT		Tên trường	Số tiền
28	28	Mầm non Hoa Lan	155
29	29	Mầm non Tân Dân	15
30	30	Mầm non Hà Khẩu	123
31	31	Mầm non Lê Lợi	99
32	32	Mầm non Hà Phong	222
33	33	Mầm non Hồng Hải	308
II		TIỂU HỌC	2.299
34	1	TH Hạ Long	224
35	2	TH Trần Hưng Đạo	267
36	3	TH Võ Thị Sáu	63
37	4	TH Cao Thắng	130
38	5	TH Hữu Nghị	18
39	6	TH Lê Hồng Phong	273
40	7	TH Quang Trung	64
41	8	TH Trần Quốc Toàn	140
42	9	TH Hà Lâm	144
43	10	TH Cao Xanh	73
44	11	TH Minh Hà	108
45	12	TH Bãi Cháy	110
46	13	TH Đại Yên	83
47	14	TH Lý Thường Kiệt	244
48	15	TH Hà Khẩu	174
49	16	TH Việt Hưng	49
50	17	TH Nguyễn Bá Ngọc	51
51	18	TH Trới	26
52	19	TH Lê Lợi	26
53	20	TH Sơn Dương	32
III		TRUNG HỌC CƠ SỞ	1.042
54	1	THCS Trới	20
55	2	THCS Cao Xanh	98
56	3	Trường THCS Hà Tu	45
57	4	THCS Lý Tự Trọng	80
58	5	Trường THCS Hồng Hải	26
59	6	THCS Nguyễn Văn Thuộc	70
60	7	THCS Bãi Cháy	103
61	8	THCS Kim Đồng	119

Số: /QĐ-TH

Hạ Long, ngày 01 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh dự toán năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO THẮNG

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11788/QĐ – UBND ngày 1 tháng 10 năm 2024 của UBND Thành phố Hạ Long về việc phân bổ giao dự toán **điều chỉnh dự toán năm 2024**;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán tài vụ trường Tiểu học Cao Thắng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai kinh phí điều chỉnh dự toán năm 2024 Trường Tiểu học Cao Thắng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận phụ trách cơ sở vật chất, bộ phận kế toán và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Ban giám hiệu (để biết);
- Lưu VT.



Trần Thị Quỳnh Chi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11788/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 01 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán giao năm 2024 của các cơ sở giáo dục công lập cấp tiểu học thuộc thành phố do điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và chi tiêu hợp đồng lao động

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc bổ sung, điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4096/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phân bổ giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2024;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hạ Long: số 977/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các trường mầm non, phổ thông công lập, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc UBND thành phố Hạ Long năm 2024; số 11201/QĐ-UBND ngày 30/08/2024 về việc giao bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND Thành phố Hạ Long năm 2024; số 11202/QĐ-UBND ngày 30/08/2024 về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động đối với trường phổ thông công lập thuộc UBND Thành phố Hạ Long năm 2024;

Căn cứ Văn bản số 4844/STC-QLNS ngày 23/9/2024 của Sở Tài chính Quảng Ninh về việc bố trí dự toán chi ngân sách năm 2024 cho 126 đối tượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thuộc lĩnh vực giáo dục thành phố Hạ Long;

Xét đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố tại Văn bản số 1327/PGDDT ngày 01/10/2024 và phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 331/TTr-TCKH ngày 01/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi giao năm 2024 của các cơ sở giáo dục công lập cấp tiểu học thuộc thành phố do điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và chi tiêu hợp đồng lao động theo các Quyết định của UBND thành phố số 977/QĐ-UBND ngày 29/01/2024, số 11201/QĐ-UBND và số 11202/QĐ-UBND ngày 30/08/2024, đã bao gồm chi tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên tạo nguồn cải các tiền lương theo quy định tại Thông tư số

76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính và chỉ tiêu tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm kinh phí đã giao dự toán chi tự chủ của các cơ sở giáo dục công lập cấp tiểu học thuộc thành phố do điều chỉnh giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 29/01/2024, số 11201/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND thành phố, số tiền: **7.551 triệu đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm năm mươi một triệu đồng).**

2. Phân bổ kinh phí thực hiện chỉ tiêu hợp đồng lao động năm 2024 tại Quyết định số 11202/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND thành phố, bổ sung dự toán chi không tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập cấp tiểu học thuộc Thành phố, số tiền: **2.706 triệu đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm linh sáu triệu đồng).**

¹¹ Nguồn kinh phí:

- Ngân sách Tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu năm 2024: 2.176 triệu đồng.
- Nguồn thu hồi tại Mục 1 nêu trên: 530 triệu đồng.

3. Kinh phí đã điều chỉnh giảm tại Mục 1 nêu trên chưa phân bổ, hoàn trả về dự toán chi sự nghiệp Giáo dục, ngân sách Thành phố năm 2024: **7.021 triệu đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ không trăm hai mươi một triệu đồng).**

(Chi tiết kèm theo phụ lục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

¹² - Giao các cơ sở giáo dục công lập cấp tiểu học thuộc thành phố chịu trách nhiệm rà soát, cân đối lại nguồn kinh phí được giao đảm bảo thực hiện chức năng nhiệm vụ và sử dụng kinh phí đúng mục đích, thực hiện thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

- Giao phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố đề xuất phân bổ kinh phí chi sự nghiệp Giáo dục năm 2024 đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch thành phố, Giáo dục và Đào tạo thành phố; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục công lập có tên tại Điều 1; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ninh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như điều 3;
- Lưu VT, TCKH_{TPCT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sơn



ĐỀ NGHỊ CHẾ ĐỘ TOÁN GIẢI NĂM 2014 CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CẤP TIỂU HỌC THỰC THÀNH PHỐ HÀ LONG CHẾ ĐỘ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỰ NGHĨA
CẤP TIỂU HỌC ĐỒNG LÃO ĐỘNG THEO CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ SỐ 97/QĐ-UBND NGÀY 25/10/2014, SỐ 112/QĐ-UBND VÀ 112/QĐ-UBND NGÀY 28/2/2014
VÀ CẤP TIỂU HỌC KHI THIÊN QUÝ ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 76/2011/TT-BTC NGÀY 29/12/2011 CỦA BỘ TÀI CHÍNH NGHỊ QUYẾT 11/2011/Q-CP NGÀY 07/03/2011 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 07/03/2011 của UBND thành phố)

STT		Đơn vị	Dự toán đến chính (theo dự kiến)														Dự toán sau điều chỉnh														DVT: Triệu đồng		
			Dự toán 48 tháng kể từ khi quyết định và được UBND thành phố (2014/2015) Giám sát và 1% từ quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 07/03/2011				Dự toán đến chính (theo dự kiến)				Dự toán đến chính (theo dự kiến)				Dự toán đến chính (theo dự kiến)				Dự toán sau điều chỉnh														
			NSNN cấp	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Dự toán đến vị của đơn vị chi	NSNN cấp	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Dự toán đến vị của đơn vị chi	NSNN cấp	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Dự toán đến vị của đơn vị chi	NSNN cấp	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Dự toán đến vị của đơn vị chi	NSNN cấp	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Dự toán đến vị của đơn vị chi	NSNN cấp	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Dự toán đến vị của đơn vị chi	NSNN cấp	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Tỷ lệ 10% chi thường xuyên	Dự toán đến vị của đơn vị chi			
Tổng số		199.538	4.127	732	194.689	-4.845	2.136	-1.021	-4.545	-98	-28	-4.719	-7.581	-151	-56	-7.344	2.766	50	28	2.625	194.753	4.029	744	193.998	192.047	3.976	736	191.355	2.706	53	28	2.625	
1	Tiểu học Đại Vĩ	7.674	127	29	7.488	-274	131	-605	-174	-5	-1	-268	-437	-8	-3	-426	167	3	2	158	7.490	152	28	7.320	7.237	149	26	7.062	143	3	2	158	
2	Tiểu học Văn Giang	7.399	146	27	7.234	-174	105	-279	-174	-2	-1	-171	-304	-5	-2	-297	130	3	1	126	7.223	144	26	7.053	7.053	143	25	6.927	130	3	2	158	
3	Tiểu học Hà Khẩu	10.951	229	41	10.689	-307	131	-605	-337	-5	-2	-328	-500	-10	-4	-486	163	3	2	158	10.624	222	41	10.361	10.461	219	39	10.203	163	3	2	158	
4	Tiểu học Lý Thường Kiệt	12.400	271	60	12.069	-471	131	-605	-471	-10	-3	-428	-634	-13	-5	-615	163	3	2	158	12.024	222	41	10.361	10.461	219	39	10.203	163	3	2	158	
5	Tiểu học Đại Chủy	14.373	305	57	14.013	-336	184	-420	-336	-6	-1	-329	-484	-10	-3	-431	228	4	2	222	14.739	309	54	14.384	14.311	295	54	14.162	228	4	2	222	
6	Tiểu học Hà Long	11.882	284	53	11.495	-305	157	-452	-305	-6	-2	-297	-500	-10	-4	-486	193	4	2	189	11.529	278	51	11.198	11.332	274	48	11.009	193	4	2	189	
7	Tiểu học Hữu Nghị	9.673	103	19	9.551	-135	79	-214	-135	-3	-1	-131	-223	-5	-2	-228	98	2	1	95	9.331	100	18	9.231	9.231	98	17	9.131	98	2	1	95	
8	Tiểu học Cao Xanh	8.964	150	35	8.741	-218	111	-319	-218	-5	-1	-212	-401	-8	-3	-399	163	3	2	158	8.728	182	34	8.509	8.553	182	32	8.331	163	3	2	158	
9	Tiểu học Cao Thắng	10.973	244	46	10.585	-198	236	-344	-198	-2	-1	-196	-401	-8	-3	-399	293	6	3	284	10.871	246	46	10.579	10.579	240	43	10.293	293	6	3	284	
10	Tiểu học Võ Thị Sáu	5.664	116	22	5.325	-203	52	-355	-203	-4	-1	-198	-268	-5	-2	-261	65	1	1	63	5.211	112	21	5.128	5.196	111	20	5.065	65	1	1	63	
11	Tiểu học Bà Lân	16.118	320	61	15.877	-297	26	-421	-297	-6	-3	-386	-429	-9	-3	-417	32	1	1	31	15.741	212	38	15.529	15.529	211	36	15.317	32	1	31		
12	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	8.289	164	31	8.094	-267	79	-346	-267	-3	-2	-260	-365	-7	-3	-355	98	2	1	95	8.032	139	29	7.834	7.924	137	28	7.759	98	2	1	95	
13	Tiểu học Minh Hà	6.594	131	28	6.413	-105	131	-236	-105	-2	-1	-103	-268	-5	-2	-261	163	3	2	158	6.489	149	28	6.312	6.316	146	26	6.134	163	3	2	158	
14	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	9.610	191	36	9.383	-102	20	-128	-102	-2	-1	-99	-134	-3	-1	-130	32	1	1	31	9.508	189	35	9.284	9.476	188	35	9.231	32	1	31		
15	Tiểu học Quảng Trung	11.936	237	45	11.654	-324	105	-439	-324	-7	-2	-323	-484	-10	-3	-431	130	3	1	126	11.602	200	40	11.329	11.472	227	42	11.303	130	3	1	126	
16	Tiểu học Lê Hồng Phong	9.721	197	37	9.487	-132	32	-184	-132	-4	-2	-128	-197	-5	-2	-191	65	1	1	63	9.289	193	37	9.099	9.504	192	36	9.294	65	1	1	63	
17	Tiểu học Trần Hưng Đạo	13.657	284	53	13.329	-308	184	-497	-308	-6	-3	-300	-336	-10	-4	-322	228	4	2	222	13.349	278	51	13.020	13.121	274	49	12.794	228	4	2	222	
18	Tiểu học Trại	12.391	255	48	12.488	-294	131	-385	-294	-5	-1	-248	-477	-8	-3	-466	163	3	2	158	12.537	250	47	12.240	12.374	247	46	12.082	163	3	2	158	
19	Tiểu học Lê Lợi	6.604	132	25	6.447	-230	256	-260	-230	-6	-2	-242	-250	-6	-2	-242	124	3	1	120	6.354	126	23	6.203	6.354	126	23	6.205	124	3	1	120	
20	Tiểu học Sơn Dương	7.537	147	28	7.362	-215	105	-330	-215	-3	-2	-218	-349	-6	-3	-346	124	3	1	120	7.322	144	26	7.152	7.188	143	25	7.032	124	3	1	120	

Số: /QĐ-TH

Hạ Long, ngày 01 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh tiền lương theo ND73 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO THẮNG

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11756/QĐ – UBND ngày 1 tháng 10 năm 2024 của UBND Thành phố Hạ Long về việc phân bổ giao dự toán điều chỉnh tiền lương theo ND73 năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán tài vụ trường Tiểu học Cao Thắng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai kinh phí điều chỉnh tiền lương theo ND73 năm 2024 Trường Tiểu học Cao Thắng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận phụ trách cơ sở vật chất, bộ phận kế toán và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Ban giám hiệu (để biết);
- Lưu VT.



Trần Thị Quỳnh Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Số: 11756/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 01 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương, trợ cấp, phụ cấp theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 4096/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 10/9/2024 của HĐND thành phố Hạ Long về việc điều chỉnh dự toán ngân sách Thành phố năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 11348/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc điều chỉnh dự toán ngân sách Thành phố năm 2024;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 320/TTr-TCKH ngày 18/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Cụ thể như sau: